TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2025/HNGĐ-ST
Ngày 18 - 02 - 2025
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh M Bền

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Chưởng – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Ngày 18 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 636/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Bích Ph, Sinh năm: 1972. Địa chỉ cư trú: Số I, đường L, khóm K, phường H, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

- *Bị đơn*: Ông Vũ Thế M, Sinh năm: 1960. Địa chỉ cư trú: Số Y, đường T Khu đô thị S, phường G, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Trịnh Bích Ph trình bày tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa như sau:

- *Về hôn nhân:* Bà và ông Vũ Thế M tự nguyện chung sống vào năm 1992, nhưng đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau số giấy chứng nhận kết hôn 240, ngày 02/12/2002. Trong thời gian chung sống bà và ông M bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả với nhau, đã ly thân cách nay khoảng 02 năm. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Vũ Thế M.

- *Về con chung:* Bà và ông Vũ Thế M có 02 người con chung tên Vũ Thế H, sinh ngày 16/3/1993 và Vũ Thế L, sinh ngày 10/9/2005; hiện nay các con

chung đã trưởng thành, nên bà không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

Ông Vũ Thế M trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

- *Về hôn nhân:* Về thời gian chung sống, đăng ký kết hôn đúng như bà Ph trình bày. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng dẫn đến ly hôn, ông sẽ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, ông còn thương vợ; Vợ chồng đã ly thân cách nay khoảng 02 năm. Ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

- *Về con chung:* Ông và bà Trần Bích Ph có 02 người con chung tên Vũ Thế H, sinh ngày 16/3/1993 và Vũ Thế L, sinh ngày 10/9/2005; hiện nay các con chung đã trưởng thành, nên không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung:* Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ lại vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là về việc Ly hôn.

Bị đơn ông Vũ Thế M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng ông M vẫn vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với ông M.

[2] Hôn nhân: Nguyên đơn bà Trịnh Bích Ph yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Vũ Thế M. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, bà Ph và ông M chung sống hoàn toàn tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nên hôn nhân của ông, bà được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Ph cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vả với nhau. Ông M cho rằng trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng dẫn đến ly hôn, ông sẽ khắc phục, sửa chữa lỗi lầm, ông còn thương vợ. Ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu đoàn tụ. Xét thấy, bà Ph và ông M xảy ra nhiều mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc; thực tế ông, bà đã sống ly thân với nhau. Tại phiên tòa, bà Ph kiên quyết ly hôn, xác định không thể hàn gắn hôn nhân được. Ông M tuy có yêu cầu đoàn tụ, nhưng quá trình giải quyết đến nay ông không có biện pháp nào có hiệu quả để hàn gắn hôn nhân của ông, bà. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Ph về việc ly hôn với ông M.

[3] Con chung: Bà Ph và ông M có 02 người con chung tên Vũ Thế H, sinh năm1993 và Vũ Thế L, sinh năm 2005; hiện nay các con chung đã trưởng thành, có sức khỏe bình thường, nên các đương sự không yêu cầu giải quyết về nghĩa vụ nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Do đó, không đặt ra xem xét, giải quyết là phù hợp.

[4] Tài sản chung: Bà Ph và ông M xác định để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[5] Nợ chung: Bà Ph và ông M xác định ông, bà không có nợ chung. Không ai yêu cầu về nợ chung nên không xem xét, giải quyết là phù hợp.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Bích Ph, về việc yêu cầu ly hôn với ông Vũ Thế M.

Con chung: Không xem xét, giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung; Nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Trịnh Bích Ph phải nộp 300.000 đồng. Ngày 26/11/2024, bà Ph đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau theo biên lai số 0009760, được đối trừ, chuyển thu, nộp Ngân sách Nhà nước.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- UBND phường 1, thành phố Cà Mau;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu TM (TANDTPCM).

TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hân